Chế Độ Thuế

Văn bản Pháp luật

Trụ cột của hệ thống thuế được thiết lập bởi:

(i) Luật Quản lý Thuế năm 2006, đã được sửa đổi và bổ sung vào các năm 2012, 2014 và 2016, đưa ra những quy định chung về:

(a) Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế;
(b) Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế và giảm thuế;
(c) Xóa nợ tiền thuế, tiền phạt;
(d) Quản lý thông tin về người nộp thuế;
(e) Kiểm tra thuế, thanh tra thuế;
(f) Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;
(g) Xử lý vi phạm về thuế; và
(h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế.
(ii) các luật về thuế khác quy định chi tiết về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, cơ sở tính thuế và biểu thuế, miễn thuế và giảm thuế, khiếu nại và giải quyết vi phạm đối với từng loại thuế cụ thể…, ví dụ, gồm Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp được thông qua năm 2008, và được sửa đổi, bổ sung vào các năm 2013 và 2014; Luật Thuế Giá trị Gia tăng được thông qua năm 2008, và được sửa đổi, bổ sung vào các năm 2013, 2014 và 2016; Luật Thuế Tiêu thụ Đặc biệt được thông qua năm 2008, và được sửa đổi, bổ sung vào các năm 2014 và 2016; Luật Thuế Thu nhập Cá nhân thông qua năm 2008, và được sửa đổi, bổ sung vào các năm 2012 và 2014; và Luật Thuế Xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu mới được thông qua năm 2016.

Chính phủ và các Bộ, ngành cũng đã ban hành hàng trăm Nghị định, Thông tư và các quy định khác vào các thời điểm khác nhau để hướng dẫn thực hiện cho các Luật về thuế này.

Các loại Thuế

Theo hệ thống pháp luật về thuế hiện hành, các nhà đầu tư nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam cần biết ít nhất các

loại thu□ sau:

(i) Thu□ thu nhập doanh nghiệp;
(ii) Thu□ giá trị gia tăng;
(iii) Thu□ tiêu thụ đặc biệt;
(iv) Thu□ chuy□n thu nhập ra nước ngoài;
(v) Thu□ xu□t kh□u, thu□ nhập kh□u;
(vi) Thu□ s□ dụng đ□t phi nông nghiệp;
(vii) Thu□ tài nguyên;
(viii) Thu□ b□o vệ môi trường;
(ix) Thu□ nhà th□u nước ngoài; và
(x) Thu□ thu nhập cá nhân.

Chi ti□t từng loại thu□ được mô t□ dưới đây.

Thu□ Thu nhập Doanh nghiệp

Thu□ su□t Thu□ Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") hiện tại là 20% k□ từ tháng 1 năm 2016, đã được gi□m từ các mức 32%, 28%, 25% và 22% trong quá khứ theo Luật Thu□ Thu nhập Doanh nghiệp được s□a đ□i, b□ sung, và được áp dụng với t□t c□ các pháp nhân; ngoại trừ:

(i) Thu□ su□t thu□ thu nhập doanh nghiệp đ□i với hoạt động tìm ki□m, thăm dò, khai thác d□u khí và tài nguyên quý hi□m khác tại Việt Nam từ 32% đ□n 50%. Đ□i với hoạt động tìm ki□m, thăm dò, khai thác d□u khí, căn cứ vào vị trí, đi□u kiện khai thác và trữ lượng m□, Th□ tướng Chính ph□ quy□t định mức thu□ su□t cụ th□ phù hợp với từng dự án, từng cơ s□ kinh doanh theo đ□ nghị c□a Bộ trư□ng Bộ Tài chính;
(ii) Đ□i với các m□ tài nguyên bạch kim, vàng, bạc, thi□c, wonfram, antimoan, đá quý, đ□t hi□m áp dụng thu□ su□t là 50%, trường hợp các m□ có từ 70% diện tích được giao tr□ lên □ địa bàn có đi□u kiện kinh t□ xã hội đặc biệt khó khăn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi thu□ thu nhập doanh nghiệp áp dụng thu□ su□t thu□ thu nhập doanh nghiệp là 40%.

Những ưu đãi v□ thu□ g□m ưu đãi v□ thu□ su□t, hoãn thu□ và gi□m thu□:

(i) Thu suất 10% được áp dụng đối với:

(a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, và giám định tư pháp;
(b) Thu nhập của cơ quan báo chí từ hoạt động báo in, kể cả quảng cáo trên báo in theo quy định của Luật Báo chí; thu nhập của cơ quan xuất bản từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản;
(c) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư – kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng quy định tại Luật Nhà ở;
(d) Thu nhập của doanh nghiệp từ: trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng, chế biến nông, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn; nuôi trồng lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất muối; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm.

(ii) Thuế suất 10% trong vòng 15 năm được áp dụng đối với:

(a) Thu nhập của các doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại những địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao;
(b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; đầu tư xây dựng – kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước; cầu, đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông; sân bay, nhà ga và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định; sản xuất sản phẩm phần mềm;

sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường;

(c) Thu nhập của các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao;

(d) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất (trừ dự án sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, dự án khai thác khoáng sản) đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

• Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng Việt Nam, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng Việt Nam/năm, chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu;

• Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng Việt Nam, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và sử dụng trên 3.000 lao động chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu từ dự án đầu tư.

(e) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

• Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao;

• Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành: dệt – may; da – giầy; điện tử – tin học; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo mà cać sản phẩm nảy tính đến ngày 01/01/2015 trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng phải đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu (EU) hoặc tương đương.

(f) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, trừ dự án sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và dự án khai thác khoáng sản, có quy mô vốn

đ□u tư t□i thi□u 12.000 t□ đ□ng, s□ dụng công nghệ ph□i được th□m định theo quy định c□a Luật công nghệ cao, Luật khoa học và công nghệ, thực hiện gi□i ngân t□ng v□n đ□u tư đăng ký không quá 5 năm k□ từ ngày được phép đ□u tư theo quy định c□a pháp luật v□ đ□u tư.

(iii) Thu□ su□t 15% đ□i với thu nhập c□a doanh nghiệp tr□ng trọt, chăn nuôi, ch□ bi□n trong lĩnh vực nông nghiệp và th□y s□n không thuộc địa bàn có đi□u kiện kinh t□ – xã hội khó khăn hoặc địa bàn có đi□u kiện kinh t□ – xã hội đặc biệt khó khăn.

(iv) Thu□ su□t 17% được áp dụng đ□i với thu nhập c□a Quỹ tín dụng nhân dân và t□ chức tài chính vi mô.

(v) Thu□ su□t 17% trong vòng 10 năm được áp dụng đ□i với:

(a) Thu nhập c□a doanh nghiệp từ thực hiện dự án đ□u tư mới tại địa bàn có đi□u kiện kinh t□ – xã hội khó khăn;
(b) Thu nhập c□a doanh nghiệp từ thực hiện dự án đ□u tư mới, bao g□m: s□n xu□t thép cao c□p; s□n xu□t s□n ph□m ti□t kiệm năng lượng; s□n xu□t máy móc, thi□t bị phục vụ cho s□n xu□t nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp; s□n xu□t thi□t bị tưới tiêu; s□n xu□t, tinh ch□ thức ăn gia súc, gia c□m, thu□ s□n; phát tri□n ngành ngh□ truy□n th□ng.

Đ□i với dự án c□n đặc biệt thu hút đ□u tư có quy mô lớn và công nghệ cao thì thời gian áp dụng thu□ su□t ưu đãi có th□ kéo dài thêm, nhưng thời gian kéo dài thêm không quá 15 năm.

Đ□i với dự án quy định tại đi□m (i)(f) đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- S□n xu□t s□n ph□m hàng hóa có kh□ năng cạnh tranh toàn c□u, doanh thu đạt trên 20.000 t□ đ□ng/năm chậm nh□t sau năm năm k□ từ khi có doanh thu từ dự án đ□u tư;
- S□ dụng thường xuyên trên 6.000 lao động;
- Dự án đ□u tư thuộc lĩnh vực hạ t□ng kinh t□ kỹ thuật, bao g□m: đ□u tư phát tri□n nhà máy nước, nhà máy điện, hệ th□ng c□p thoát nước, c□u, đường bộ, đường s□t, c□ng hàng không,

cng bin, cng sông, sân bay, nhà ga, năng lượng mới, năng lượng sạch, công nghiệp tit kiệm năng lượng, dự án lọc hóa du;

Thời gian áp dụng thu sut ưu đãi có th kéo dài thêm theo quyt định ca Th tướng Chính ph, nhưng thời gian kéo dài thêm không quá 15 năm.

Thời gian áp dụng thu sut ưu đãi được tính từ năm đu tiên dự án đu tư mới ca doanh nghiệp có doanh thu; đi với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cp giy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đi với dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cp giy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao. Trường hợp một doanh nghiệp không phát sinh thu nhập chịu thu trong vòng 3 năm k từ năm phát sinh doanh thu đu tiên, sẽ áp dụng min thu hoặc gim thu từ năm thứ tư.

Thu Giá trị Gia tăng

Thu Giá trị Gia tăng (“GTGT”) là thu tính trên giá trị tăng thêm ca hàng hóa và dịch vụ phát sinh trong quá trình sn xut, lưu thông đn tiêu dùng (Đi với một s loại còn phi chịu c Thu Tiêu thụ Đặc biệt như đ cập tại mục 16.5 dưới đây). Theo Luật Thu GTGT 2008 đã được sa đi, b sung, có 3 mức thu sut Thu GTGT (thay vì 4 mức trước đây) như sau:

(i) Thu sut 0% được áp dụng đi với hàng hóa, dịch vụ xut khu (là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ngoài Việt Nam, trong khu phi thu quan; hàng hóa, dịch vụ cung cp cho khách hàng nước ngoài); vận ti quc t; và hàng hóa, dịch vụ không phi chịu thu GTGT được xut khu; trừ các trường hợp sau:

(a) Chuyn giao công nghệ, chuyn nhượng quyn s hữu trí tuệ ra nước ngoài;
(b) Dịch vụ tái bo him ra nước ngoài;
(c) Chuyn nhượng vn, dịch vụ cp tín dụng, đu tư chứng khoán ra nước ngoài;

(d) Dịch vụ tài chính phái sinh;
(e) Dịch vụ bưu chính, viễn thông chiều đi ra nước ngoài (bao gồm cả dịch vụ bưu chính viễn thông cung cấp cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; cung cấp thẻ cào điện thoại di động đã có mã số, mệnh giá đưa ra nước ngoài hoặc đưa vào khu phi thuế quan);
(f) Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản công với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên;
(g) Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu;
(h) Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho cá nhân không đăng ký kinh doanh trong khu phi thuế quan, trừ các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

(ii) Thuế suất 5% được áp dụng đối với:

(a) Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác;
(b) Quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng;
(c) Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng, sơ chế và bảo quản sản phẩm nông nghiệp;
(d) Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản nuôi trồng chưa qua chế biến trừ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, hải sản và đánh bắt chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc mới chế qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt, bán ra và nhập khẩu;
(e) Mủ cao su sơ chế; nhựa thông sơ chế, lưới, dây giềng và dây để đan lưới đánh cá;
(f) Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến, trừ gỗ, măng và sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chế qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt

bán ra và □ khâu nhập kh□u;
(g) Đường; phụ ph□m trong s□n xu□t đường, bao g□m r□ đường, bã mía, bã bùn;
(h) S□n ph□m bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rơm, v□ dừa, sọ dừa, bèo tây và các s□n ph□m th□ công khác s□n xu□t bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ ch□; gi□y in báo;
(i) Thi□t bị, dụng cụ y t□, bông, băng vệ sinh y t□; thu□c phòng bệnh, chữa bệnh; s□n ph□m hóa dược, dược liệu là nguyên liệu s□n xu□t thu□c chữa bệnh, thu□c phòng bệnh;
(j) Giáo cụ dùng đ□ gi□ng dạy và học tập, bao g□m các loại mô hình, hình vẽ, b□ng, ph□n, thước k□, com-pa và các loại thi□t bị, dụng cụ chuyên dùng cho gi□ng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học;
(k) Hoạt động văn hóa, tri□n lãm, th□ dục, th□ thao; bi□u di□n nghệ thuật, s□n xu□t phim; nhập kh□u, phát hành và chi□u phim;
(l) Đ□ chơi cho tr□ em; sách các loại, trừ sách báo, tạp chí, b□n tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn b□n pháp luật, sách khoa học – kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thi□u s□ và tranh, □nh, áp phích tuyên truy□n c□ động, k□ c□ dưới dạng băng hoặc đĩa ghi ti□ng, ghi hình;
(m) Dịch vụ khoa học, công nghệ theo quy định c□a Luật Khoa học và công nghệ;
(n) Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà □ xã hội theo quy định c□a Luật Nhà □.

(iii) Thu□ su□t thông thường 10% được áp dụng đ□i với những hàng hóa và dịch vụ khác.

Thu□ Tiêu thụ Đặc biệt

Ngoài chịu Thu□ GTGT, các đ□i tượng dưới đây còn ph□i chịu Thu□ Tiêu thụ Đặc biệt với thu□ su□t từ 5% đ□n 150%, bao g□m:

(i) Thu□c lá đi□u, xì gà và ch□ ph□m khác từ cây thu□c lá dùng đ□ hút, hít, nhai, ng□i hoặc ngậm;
(ii) Rượu;

(iii) Bia;
(iv) Xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi, kể cả xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng loại có hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng;
(v) Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm3;
(vi) Tàu bay, du thuyền;
(vii) Xăng các loại;
(ix) Bài lá;
(x) Vàng mã, hàng mã;
(xi) Kinh doanh vũ trường;
(xii) Kinh doanh dịch vụ mát – xa (massage) và ka-ra-ô-kê;
(xiii) Kinh doanh ca-si-nô (casino), trò chơi điện tử có thưởng bao gồm các trò chơi bằng máy giắc-pót (jackpot), máy slot và các loại máy tương tự;
(xiv) Kinh doanh đặt cược;
(xv) Kinh doanh gôn (golf) bao gồm bán thẻ hội viên, vé chơi gôn; và
(xvi) Kinh doanh xổ số.

Các mức thuế suất này được áp dụng từ ngày 01/01/2016. Ngoài ra, đối với một số mặt hàng, bao gồm: Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá; Rượu; và Bia, mức thuế suất sẽ được điều chỉnh tăng dần theo lộ trình riêng.

Ngược lại với các quy định trước đây là các hàng hóa, dịch vụ đã chịu Thuế GTGT thì sẽ không phải chịu Thuế tiêu thụ đặc biệt, thì theo Luật Thuế GTGT, hai loại thuế này có thể cùng đánh vào một mặt hàng hoặc dịch vụ.

Thuế Chuyển Thu nhập Ra Nước ngoài

Từ ngày 1/1/2004, các dự án có vốn nước ngoài và các nhà đầu tư đã không còn phải nộp Thuế Chuyển Thu nhập Ra Nước ngoài. Tuy nhiên, các dự án có vốn đầu tư nước ngoài hoặc các nhà đầu tư vốn phải nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hoặc Thuế Thu nhập Cá nhân như miêu tả tại Mục 16.3 trên đây và Mục 16.9 dưới đây tùy từng trường hợp.

Thu□ Xu□t kh□u, Thu□ Nhập kh□u

Việt Nam đang s□a đ□i bi□u thu□ xu□t kh□u và bi□u thu□ nhập kh□u đ□ xúc ti□n xu□t kh□u và thực hiện đ□y đ□ các cam k□t qu□c t□ đ□ c□t gi□m nhập kh□u và tháo dỡ hàng rào thu□ quan theo các hiệp định kinh t□ ASEAN, các hiệp định kinh t□ ASEAN – Trung Qu□c, các Hiệp định đ□i tác kinh t□ toàn diện ASEAN – Nhật B□n và Việt Nam – Nhật B□n, các hiệp định kinh t□ ASEAN – Hàn Qu□c và hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Qu□c, Hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN – Úc – New Zealand, các hiệp định kinh t□ ASEAN – □n Độ, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Kinh t□ Á Âu, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu, Hiệp định đ□i tác kinh t□ xuyên Thái Bình Dương (TPP), và với các t□ chức thương mại qu□c t□ khác.

Theo LĐT và Luật Thu□ Xu□t kh□u, Thu□ Nhập kh□u, các dự án có v□n nước ngoài và các nhà đ□u tư nước ngoài tham gia vào hợp đ□ng PPP hoặc hợp đ□ng BCC được mi□n thu□ nhập kh□u đ□i với hàng hóa nhập kh□u đ□ tạo tài s□n c□ định, bao g□m:

(i) Hàng hóa tạm nhập, tái xu□t hoặc tạm xu□t, tái nhập đ□ tham dự hội chợ, tri□n lãm, giới thiệu s□n ph□m; máy móc, thi□t bị và dụng cụ ngh□ nghiệp tạm nhập, tái xu□t hoặc tạm xu□t, tái nhập đ□ phục vụ công việc trong thời hạn nh□t định.

(ii) Hàng hóa là tài s□n di chuy□n c□a t□ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài mang vào Việt Nam hoặc mang ra nước ngoài trong mức quy định.

(iii) Hàng hóa nhập kh□u đ□ gia công cho bên nước ngoài r□i xu□t kh□u, hoặc hàng hóa xu□t kh□u ra nước ngoài đ□ gia công cho bên Việt Nam r□i nhập kh□u lại theo hợp đ□ng gia công.

(iv) Hàng hóa xu□t kh□u, nhập kh□u trong tiêu chu□n hành lý mi□n thu□ c□a người xu□t c□nh, nhập c□nh do Chính ph□ quy định.

(v) Hàng hóa nhập kh□u đ□ tạo tài s□n c□ định c□a dự án khuy□n

khích đ□u tư, dự án đ□u tư bằng ODA, bao g□m:

(a) Thi□t bị, máy móc;
(b) Phương tiện vận t□i chuyên dùng trong dây chuy□n công nghệ và phương tiện đưa đón cán bộ, công nhân; phương tiện vận chuy□n đưa đón công nhân g□m xe ô tô từ 24 ch□ ng□i tr□ lên và phương tiện th□y;
(c) Linh kiện, chi ti□t, bộ phận rời, phụ tùng, gá l□p, khuôn m□u, phụ kiện đi kèm với máy móc, thi□t bị và phương tiện vận t□i chuyên dùng;
(d) Nguyên liệu, vật tư dùng đ□ ch□ tạo thi□t bị, máy móc nằm trong dây chuy□n công nghệ hoặc ch□ tạo linh kiện, chi ti□t, bộ phận rời, phụ tùng, gá l□p, khuôn m□u, phụ kiện đi kèm với máy móc, thi□t bị;
(e) Vật liệu xây dựng trong nước chưa s□n xu□t được; và
(f) Nguyên liệu và vật tư khác nhập kh□u đ□ thực hiện dự án BOT, BTO và BT;

Việc mi□n thu□ này cũng áp dụng với trường hợp m□ rộng quy mô dự án, thay th□ và đ□i mới công nghệ.

(vi) Gi□ng cây tr□ng, vật nuôi và các s□n ph□m nông nghiệp đặc biệt khác được phép nhập kh□u vào Việt Nam đ□ thực hiện các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

Việc mi□n thu□ này cũng áp dụng với trường hợp m□ rộng quy mô dự án, thay th□ và đ□i mới công nghệ.

(vii) Hàng hóa là trang thi□t bị được nhập kh□u l□n đ□u theo danh mục quy định c□a Chính ph□ đ□ tạo tài s□n c□ định c□a những dự án được ưu đãi v□ thu□ nhập kh□u, dự án đ□u tư bằng ODA đ□u tư v□ khách sạn, văn phòng, căn hộ cho thuê, nhà □, trung tâm thương mại, dịch vụ kỹ thuật, siêu thị, sân golf, khu du lịch, khu th□ thao, khu vui chơi gi□i trí, cơ s□ y t□ khám chữa bệnh, t□ chức đào tạo, các cơ s□ văn hóa, tài chính, ngân hàng, b□o hi□m, ki□m toán và dịch vụ tư v□n.

(viii) Hàng hóa nhập kh□u đ□ phục vụ hoạt động d□u khí, bao

g□m:

(a) Thi□t bị, máy móc; phương tiện vận t□i chuyên dùng c□n thi□t cho hoạt động d□u khí; phương tiện vận chuy□n đ□ đưa đón công nhân g□m xe ô tô từ 24 ch□ ng□i tr□ lên và phương tiện th□y; k□ c□ linh kiện, chi ti□t, bộ phận rời, phụ tùng gá l□p, thay th□, khuôn m□u, phụ kiện đi kèm đ□ l□p ráp đ□ng bộ hoặc s□ dụng đ□ng bộ với thi□t bị, máy móc, phương tiện vận t□i chuyên dùng, phương tiện vận chuy□n đ□ đưa đón công nhân nêu trên;
(b) Vật tư c□n thi□t cho hoạt động d□u khí mà trong nước chưa s□n xu□t được;
(c) Trang thi□t bị y t□ và thu□c c□p cứu s□ dụng trên các dàn khoan và công trình n□i được Bộ Y t□ xác nhận;
(d) Trang thi□t bị văn phòng phục vụ cho hoạt động d□u khí;
(e) Hàng hóa tạm nhập, tái xu□t khác phục vụ cho hoạt động d□u khí.

(ix) Hàng hóa nhập kh□u đ□ s□ dụng trực ti□p vào hoạt động nghiên cứu khoa học, phát tri□n công nghệ, bao g□m máy móc, thi□t bị, phụ tùng, vật tư và phương tiện vận t□i trong nước chưa s□n xu□t được; và công nghệ trong nước chưa tạo ra được; tài liệu, sách báo khoa học.

(x) Nguyên liệu, vật tư và linh kiện nhập kh□u đ□ s□n xu□t c□a dự án trong Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuy□n khích đ□u tư hoặc trong Danh mục địa bàn có đi□u kiện kinh t□ – xã hội đặc biệt khó khăn được mi□n thu□ nhập kh□u trong thời hạn 5 năm từ khi b□t đ□u s□n xu□t.

(xi) Hàng hóa đ□ s□n xu□t, gia công, tái ch□, l□p ráp tại khu phi thu□ quan không s□ dụng nguyên liệu hoặc linh kiên nhập kh□u từ nước ngoài vào thị trường trong nước; trong trường hợp s□ dụng nguyên liệu, phụ tùng nhập kh□u từ nước ngoài thì khi nhập kh□u vào thị trường trong nước sẽ ph□i nộp thu□ nhập kh□u cho nguyên liệu, phụ tùng c□u thành nên hàng hóa đó.

(xii) Các trường hợp khác theo quy□t định c□a Th□ tướng Chính ph□.

Hàng hóa nhập kh□u đã nộp thu□ nhập kh□u đ□ s□n xu□t hàng hóa xu□t kh□u ra nước ngoài hoặc xu□t vào khu phi thu□ quan được hoàn thu□ nhập kh□u tương ứng với t□ lệ s□n ph□m thực t□ xu□t kh□u và không ph□i nộp thu□ xu□t kh□u đ□i với hàng hóa xu□t kh□u có đ□ đi□u kiện xác định là được ch□ bi□n từ toàn bộ nguyên liệu, vật tư nhập kh□u.

Thu□ S□ dụng đ□t phi nông nghiệp

Mức thu□ su□t 0,03% được áp dụng đ□i với đ□t s□n xu□t, kinh doanh phi nông nghiệp và đ□t phi nông nghiệp (như đ□t sông, ngòi, kênh, rạch, su□i và mặt nước chuyên dùng; đ□t xây dựng trụ s□ cơ quan, xây dựng công trình, v.v.) s□ dụng vào mục đích kinh doanh.

Thu□ Tài nguyên

T□ chức khai thác tài nguyên bao g□m: Khoáng s□n kim loại; khoáng s□n không kim loại; d□u thô; khí thiên nhiên, khí than; s□n ph□m c□a rừng tự nhiên, trừ động vật; h□i s□n tự nhiên, bao g□m động vật và thực vật bi□n; nước thiên nhiên, bao g□m nước mặt và nước dưới đ□t, trừ nước thiên nhiên dùng cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp; y□n sào thiên nhiên; và tài nguyên khác do □y ban Thường vụ Qu□c hội quy định ph□i nộp thu□ tài nguyên theo các mức thu□ su□t từ 1 đ□n 40%.

Thu□ B□o vệ môi trường

Đây là loại thu□ gián thu, đánh vào các s□n ph□m và hàng hóa khi s□ dụng gây tác động x□u đ□n môi trường, ngoại trừ hàng hóa vận chuy□n quá c□nh hoặc chuy□n kh□u; hàng hóa tạm nhập, tái xu□t; hàng hóa do cơ s□ s□n xu□t trực ti□p xu□t kh□u hoặc □y thác cho cơ s□ kinh doanh xu□t kh□u đ□ xu□t kh□u, trừ trường hợp t□ chức mua hàng hóa thuộc đ□i tượng chịu thu□ b□o vệ môi trường đ□ xu□t kh□u.

Đ□i tượng chịu thu□ bao g□m: xăng (trừ êtanon), d□u, mỡ nhờn; than đá; dung dịch hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC); túi ni-lông được làm từ màng nhựa đơn HDPE, LDPE hoặc LLDPE, trừ bao bì đóng gói s□n hàng hóa và túi ni lông đáp ứng tiêu chí thân thiện với môi trường theo quy định c□a Bộ Tài nguyên và Môi trường; các loại thu□c diệt c□, thu□c trừ m□i, thu□c b□o qu□n lâm s□n, thu□c kh□ trùng kho thuộc loại hạn ch□ s□ dụng. □y ban thường vụ Qu□c hội sẽ xem xét, quy định b□ sung đ□i tượng chịu thu□ khác cho phù hợp với từng thời kỳ khi xét th□y c□n thi□t.

T□ chức, cá nhân s□n xu□t, nhập kh□u hàng hóa thuộc đ□i tượng chịu thu□ ph□i nộp s□ thu□ b□o vệ môi trường được tính bằng s□ lượng đơn vị hàng hóa chịu thu□ nhân với mức thu□ tuyệt đ□i quy định trên một đơn vị hàng hóa, trong đó mức thu□ tuyệt đ□i áp dụng đ□i với xăng, d□u là 300-4.000 Đ□ng Việt Nam/lít, mỡ nhờn là 300-2.000 Đ□ng Việt Nam/kg; than đá là 10.000-50.000 Đ□ng Việt Nam/t□n; dung dịch HCFC là 1.000-5.000 Đ□ng Việt Nam/kg; túi ni-lông thuộc diện chịu thu□ là 30.000-50.000 Đ□ng Việt Nam/kg; các loại thu□c diệt c□, thu□c trừ m□i, thu□c b□o qu□n lâm s□n, thu□c kh□ trùng kho thuộc loại hạn ch□ s□ dụng là 1.000-3.000 Đ□ng Việt Nam/kg.

Thu□ Nhà th□u Nước ngoài

Nhà th□u nước ngoài s□n xu□t hoặc có hoạt động kinh doanh □ Việt Nam không theo LĐT, Luật D□u khí, Luật các TCTD mà ch□ trên cơ s□ ký hợp đ□ng với pháp nhân Việt Nam, và các nhà th□u phụ cung c□p dịch vụ cho nhà th□u □ Việt Nam, sẽ ph□i chịu các loại thu□ và thu□ su□t như các doanh nghiệp trong nước. Các loại thu□ bao g□m Thu□ GTGT, Thu□ TNDN, Thu□ Xu□t kh□u – Thu□ Nhập kh□u, Thu□ TNCN, và những loại thu□ khác theo quy định c□a pháp luật Việt Nam.

Nhà th□u phụ và nhà th□u nước ngoài có th□ lựa chọn một trong ba hình thức nộp thu□ GTGT và thu□ TNDN, như quy định dưới đây:

(i) Phương pháp kê khai (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế):

Áp dụng đối với các nhà thầu hoặc nhà thầu phụ nước ngoài: Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam; thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ có hiệu lực; áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam và thực hiện đăng ký thuế, được cơ quan thuế cấp mã số thuế. Việc nộp thuế được thực hiện giống như với các pháp nhân trong nước với thuế suất thuế GTGT và thuế TNDN như đã trình bày ở trên.

(ii) Phương pháp trực tiếp (nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo phương pháp tỷ lệ tính trên doanh thu):

Phương pháp này áp dụng khi các nhà thầu hoặc nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Mục (i) ở trên và bên Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế cho nhà thầu nước ngoài hoặc nhà thầu phụ nước ngoài. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc ổn định và nộp thuế GTGT và thuế TNDN, hai loại thuế này được hợp nhất trên doanh thu tính thuế.

(a) Doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà nhà thầu nước ngoài hoặc nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do bên Việt Nam trả thay nhà thầu nước ngoài hoặc nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có). Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu được ổn định khác nhau giữa các ngành kinh doanh. Theo đó, thuế GTGT được xác định bằng cách nhân doanh thu tính thuế GTGT với tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu được quy định trong bảng dưới đây:

TT	***Ngành kinh doanh***	***T□ lệ % đ□ tính thu□ GTGT trên doanh thu tính thu□***
1	Dịch vụ, cho thuê máy móc thi□t bị, b□o hi□m; xây dựng, l□p đặt không bao th□u nguyên vật liệu, máy móc, thi□t bị	5
2	S□n xu□t, vận t□i, dịch vụ có g□n với hàng hóa; xây dựng, l□p đặt có bao th□u nguyên vật liệu, máy móc, thi□t bị	3
3	Hoạt động kinh doanh khác	2

(b) Doanh thu tính thu□ TNDN là toàn bộ doanh thu không bao g□m thu□ GTGT mà nhà th□u nước ngoài hoặc nhà th□u phụ nước ngoài nhận được, k□ c□ các kho□n chi phí do bên Việt Nam tr□ thay nhà th□u nước ngoài hoặc nhà th□u phụ nước ngoài (n□u có), chưa trừ các kho□n thu□ ph□i nộp. T□ lệ % thu□ TNDN tính trên doanh thu tính thu□ cũng được □n định khác nhau giữa các ngành kinh doanh. Thu□ TNDN được tính bằng cách nhân doanh thu tính thu□ TNDN với t□ lệ % thu□ TNDN tính trên doanh thu tính thu□ được quy định trong b□ng dưới đây:

TT	***Ngành kinh doanh***	***T□ lệ % Thu□ TNDN tính trên doanh thu tính thu□***

1	Thương mại: phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị; phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị gắn với dịch vụ tại Việt Nam {bao gồm cả cung cấp hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ (trừ trường hợp gia công hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài); cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của Các điều khoản thương mại quốc tế – Incoterms}	1
2	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan Riêng: – Dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino – Dịch vụ tài chính phái sinh	5 10 2
3	Cho thuê tàu bay, động cơ tàu bay, phụ tùng tàu bay, tàu biển	2
4	Xây dựng, lắp đặt có bao thầu hoặc không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	2
5	Hoạt động sản xuất, kinh doanh khác; Vận chuyển (bao gồm vận chuyển đường biển, vận chuyển hàng không)	2
6	Chuyển nhượng chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi, tái bảo hiểm ra nước ngoài, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	0,1
7	Lãi tiền vay	5
8	Thu nhập bản quyền	10

(iii) Phương pháp hỗn hợp (nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu):

Nhà thầu nước ngoài hoặc nhà thầu phụ nước ngoài nếu đáp ứng đủ hai điều kiện nêu tại Mục (i) ở trên và tổ chức hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật Việt Nam về kế toán và hướng dẫn của Bộ Tài chính thì đăng ký với cơ quan thuế để thực hiện nộp thuế theo phương pháp này.

Thu Thu nhập Cá nhân

T t c người nước ngoài có thu nhập tại hoặc từ Việt Nam, không phụ thuộc vào thời gian s ng Việt Nam đu có nghĩa vụ ph i nộp thu TNCN tại Việt Nam. Đi với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thu là các thu nhập phát sinh trong hoặc ngoài phạm vi lãnh th Việt Nam, b t k thu nhập đó được chi tr từ ngu n nào. Đi với cá nhân không cư trú, thu nhập tính thu là các kho n thu nhập phát sinh tại Việt Nam, b t k thu nhập đó được chi tr từ ngu n nào.

Đi với những người có mặt tại Việt Nam với thời hạn ít hơn 183 ngày tính trong một năm dương lịch hay trong 12 tháng liên tục k từ ngày đu tiên có mặt tại Việt Nam hoặc không có nơi thường xuyên tại Việt Nam là nơi đăng ký thường trú hoặc nhà thuê đ tại Việt Nam theo hợp đng thuê có thời hạn (gọi là người nước ngoài không cư trú):

(i) 1% đi với hoạt động kinh doanh hàng hóa.
(ii) 5% đi với hoạt động kinh doanh dịch vụ.
(iii) 2% đi với hoạt động s n xu t, xây dựng, vận t i hoặc các hoạt động kinh doanh khác.
(iv) 20% đi với thu nhập từ ti n lương, ti n công.
(v) 5% đi với thu nhập từ đu tư v n.
(vi) 0,1% đi với thu nhập từ chuy n nhượng v n, không phân biệt việc chuy n nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
(vii) 2% đi với thu nhập từ chuy n nhượng b t động s n.
(viii) 5% đi với thu nhập từ b n quy n hoặc nhượng quy n thương mại vượt trên 10 triệu đng theo từng hợp đng.
(ix) 10% đi với thu nhập từ trúng thưng, thừa k hoặc quà tặng vượt trên 10 triệu đng theo từng l n phát sinh thu nhập.

Đi với những người có mặt tại Việt Nam trên 183 ngày tính trong một năm dương lịch hay trong 12 tháng liên tục k từ ngày đu tiên có mặt tại Việt Nam hoặc có nơi thường xuyên tại Việt Nam (gọi là người nước ngoài cư trú), sẽ ph i nộp thu TNCN theo bi u thu lũy ti n từng ph n với mức thu su t

cao nh□t lên tới 35% thu nhập hàng tháng. Trong trường hợp này, cá nhân cư trú b□t k□ là người nước ngoài hay người Việt Nam đ□u ph□i chịu mức thu□ như nhau:

Bậc thu□	***Ph□n thu nhập tính thu□ theo năm (triệu đ□ng)***	***Ph□n thu nhập tính thu□ theo tháng (triệu đ□ng)***	***Thu□ su□t (%)***
1	Đ□n 60	Đ□n 5	5
2	Trên 60 đ□n 120	Trên 5 đ□n 10	10
3	Trên 120 đ□n 216	Trên 10 đ□n 18	15
4	Trên 216 đ□n 384	Trên 18 đ□n 32	20
5	Trên 384 đ□n 624	Trên 32 đ□n 52	25
6	Trên 624 đ□n 960	Trên 52 đ□n 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

Thu nhập tính thu□		***Thu□ su□t (%)***
(a)	Thu nhập từ đ□u tư v□n:	5
(b)	Thu nhập từ b□n quy□n, nhượng quy□n thương mại:	5
(c)	Thu nhập từ trúng thư□ngi:	10
(d)	Thu nhập từ thừa k□, quà tặng:	10
(e)	Thu nhập từ chuy□n nhượng v□n Thu nhập từ chuy□n nhượng chứng khoán	20 0,1
(f)	Thu nhập từ chuy□n nhượng b□t động s□n	2

Cá nhân cư trú được gi□m trừ gia c□nh (là s□ ti□n được trừ vào thu nhập chịu thu□ trước khi tính thu□ đ□i với thu nhập từ kinh doanh, ti□n lương, ti□n công) g□m hai ph□n: Mức gi□m trừ đ□i với người nộp thu□ là 9 triệu Đ□ng Việt Nam/tháng (108 triệu Đ□ng Việt Nam/năm), và mức gi□m trừ đ□i với m□i người phụ thuộc là 3,6 triệu Đ□ng Việt Nam/tháng.